

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2024/KDTM-ST
Ngày: 25/3/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Càn;

- Bà Huỳnh Anh Thư.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 159/2023/TLST-KDTM ngày 12/12/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐDS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại T; địa chỉ: tổ 12, khu phố B, phường B, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang T; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thừa T; chức vụ: Phó Giám đốc, (Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2023); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: tổ 4, khu phố H, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Thừa Tự trình bày:

Ngày 22/7/2021, Công ty TNHH sản xuất thương mại T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty K) ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/KN-TH/2021. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty T cung cấp hàng hóa là xốp tấm cắt theo quy cách đơn đặt hàng cho Công ty K với hình thức là qua đơn đặt hàng, địa điểm giao hàng tại Công ty K. Thời hạn giao hàng theo từng đơn đặt hàng của Công ty Kiệt N; đơn giá theo thỏa thuận của hai bên tại từng thời điểm đặt hàng; hình thức thanh toán là 100% giá trị hàng hóa phát sinh công nợ trong tháng trước vào ngày 25 của tháng tiếp sau.

Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã giao hàng hóa cho Công ty K theo các đơn hàng mà Công ty K đã đặt hàng và đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000402 ngày 28 tháng 01 năm 2022 với số tiền 140.979.672 đồng, số 0000491 ngày 31 tháng 3 năm 2022 với số tiền 43.213.863 đồng, số 00000147 ngày 30 tháng 6 năm 2022 với số tiền 20.638.303 đồng, số 00000354 ngày 30 tháng 9 năm 2022 với số tiền 14.362.834 đồng. Tổng số tiền hàng là 219.194.642 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Theo hợp đồng, Công ty K phải thanh toán công nợ cho Công ty T vào ngày 25 hàng tháng, nhưng từ tháng 10/2022 đến nay Công ty K không thanh toán. Ngày 30/3/2023, Công ty T nhận được lịch thanh toán từ Công ty K cam kết trả 40.000.0000 đồng/tháng vào ngày 15 hàng tháng trong 04 tháng 4,5,6,7 và tháng 8 trả số tiền còn lại là 59.194.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay Công ty K vẫn không thanh toán khoản tiền nào. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH K phải thanh toán cho Công ty Thịnh H tổng số tiền 229.493.757 đồng, trong đó nợ gốc là 219.194.642 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 10.299.085 đồng (tính từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023 là 08 tháng với mức lãi suất 7/năm).

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty K theo đúng quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty K không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không chấp hành theo các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các

chứng cứ đã được thu thập nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH sản xuất thương mại T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH K thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến mua bán hàng hóa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH K có trụ sở hoạt động tại phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty TNHH K đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty TNHH K thanh toán số tiền nợ gốc là 219.194.642 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 10.299.085 đồng (tính từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023 là 08 tháng với mức lãi suất 7/năm).

[2.1] Xét Hợp đồng nguyên tắc số 01/KN-TH/2021 ngày 22/7/2021, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty Thịnh H và Công ty K ký hợp đồng với nội dung Công ty Thịnh H cung cấp hàng hóa là xốp tấm cắt; hợp đồng thỏa thuận quyền, nghĩa vụ của các bên, phù hợp quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên.

[2.2] Xét việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ 219.194.642 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Hợp đồng nguyên tắc số 01/KN-TH/2021 ngày 22/7/2021, hóa đơn giá trị gia tăng và Lịch thanh toán của Công ty Kiệt N có căn cứ xác định Công ty Thịnh H đã có giao hàng hóa cho Công ty Kiệt N. Nguyên đơn xác định tổng số tiền hàng mà nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn được thể hiện tại các hóa đơn giá trị gia tăng đã nộp cho Tòa án là 219.194.642 đồng. Như vậy, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 219.194.642 đồng là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy: tại Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 01/KN-TH/2021 ngày 22/7/2021, các bên thỏa thuận hình thức thanh toán là 100% giá trị hàng hóa phát sinh công nợ trong tháng trước vào ngày 25 của tháng tiếp sau nhưng Công ty K N không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Công ty T. Do đó, Công ty K phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty T theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tại phiên tòa, Công ty T yêu cầu Công ty K phải thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc 219.194.642 đồng tính từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023 với mức lãi suất là 7%/năm là 10.299.085 đồng. Xét, mức lãi suất mà Công ty T yêu cầu là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và không trái với Điều 306 Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán tiền hàng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty Kiệt N phải thanh toán cho Công ty Thịnh H số tiền 10.299.085 đồng là tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 24, 50, 55, 301, 306 và Điều 319 của Luật Thương mại;
- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại T đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”;

Buộc Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất thương mại T tổng số tiền là 229.493.757 đồng (*Hai trăm hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng*); (trong đó tiền nợ gốc là 219.194.642 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 10.299.085 đồng).

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH K phải chịu số tiền 11.489.687 đồng (*Mười một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

2.2 Công ty TNHH sản xuất thương mại T không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; trả lại cho Công ty TNHH sản xuất thương mại T số tiền 5.480.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001740 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

3.2 Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thành Hiệp